

Số: **4522**/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **30** tháng **12** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công
nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 9/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2022;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 192 /TTr-SKH-TH ngày 29/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2022 như các biểu đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Các chủ đầu tư:

- Tổ chức triển khai thực hiện dự án ngay sau khi nhận được Quyết định phân bổ kế hoạch vốn năm 2022; xây dựng kế hoạch chi tiết tiến độ thực hiện và giải ngân đối với từng dự án do đơn vị, địa phương mình quản lý.

- Kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc và chủ động đề xuất với cấp có thẩm quyền việc điều chuyển kế hoạch vốn được giao của dự án nếu không có khả năng thực hiện, giải ngân theo đúng tiến độ đã cam kết.

- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng kế hoạch vốn được giao đúng mục đích, hiệu quả, phù hợp với khối lượng thực hiện, thanh quyết toán theo đúng quy định và nghiêm cấm phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo đúng quy định.

- Định kỳ hàng tháng, quý và cả năm báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương và vốn phân cấp cho cấp

huyện quản lý năm 2022 về Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính theo đúng quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Thông báo hướng dẫn hạng mục, cơ cấu vốn đầu tư đối với các dự án được bố trí vốn.

- Phối hợp với các sở, ban ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện các dự án đã được bố trí vốn kế hoạch năm 2022 theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiên quyết thực hiện điều chuyển vốn kế hoạch 2022 của các dự án, nếu đến hết ngày 30/3/2022 chưa giải ngân kế hoạch; đến hết ngày 30/6/2022 giải ngân dưới 30% kế hoạch; đến hết ngày 15/9/2022 giải ngân dưới 60% kế hoạch; đến hết ngày 15/10/2022 giải ngân dưới 75% kế hoạch để bổ sung cho các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2022 cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

3. Sở Tài chính và Kho bạc nhà nước tỉnh:

Kiểm soát chặt chẽ việc thanh toán, giải ngân của các chủ đầu tư; chỉ cho phép giải ngân khi đảm bảo đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định và đúng với mục tiêu đầu tư được xác định. Trong quá trình kiểm soát chi, ưu tiên thu hồi vốn tạm ứng trước khi thanh toán khối lượng hoàn thành cho các dự án, nhất là các dự án có số dư tạm ứng lớn, kéo dài nhiều năm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Chủ đầu tư có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Phòng: NC, KT, TC-TM, KGVX;
- Lưu VT, TH_U.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng

Biểu số 1

**TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI KẾ HOẠCH 2022**

(Kèm theo Quyết định số **4522**/QĐ-UBND ngày **30**/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

TT	Các nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch 2022	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	1.718.910	
A	ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ	396.110	
1	Đầu tư lĩnh vực Quốc hội quy định (Giáo dục - đào tạo và Khoa học - công nghệ)	87.120	Chi tiết tại biểu số 2
-	Giáo dục - đào tạo	79.200	
-	Khoa học công nghệ	7.920	
2	Đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh (ngoài lĩnh vực GD-ĐT và KHCN)	93.803	
-	Nhiệm vụ quy hoạch	30.000	Chi tiết tại biểu số 3
-	Ưu đãi đầu tư	1.000	Giao Sở KHĐT tham mưu phân bổ chi tiết
-	Đối ứng cho các dự án ODA thuộc trách nhiệm địa phương	62.803	Chi tiết tại biểu số 4
3	Cân đối theo tiêu chí (sau khi thực hiện đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh)	215.187	
-	Cấp tỉnh quản lý (60%)	129.112	Chi tiết tại biểu số 5
-	Cấp huyện quản lý (40%)	86.075	Chi tiết tại biểu số 6
B	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT	1.130.000	
1	Cấp tỉnh quản lý	717.000	Chi tiết tại biểu số 7
-	Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở	450.000	
-	Nguồn thu từ đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng	260.000	
-	Nguồn thu đấu giá đất ở tại KKT TMĐB Lao Bảo	7.000	
2	Cấp huyện quản lý	413.000	Chi tiết tại biểu số 6
C	XỔ SỐ KIẾN THIẾT	40.000	Chi tiết tại biểu số 8
D	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	152.800	Giao Sở Tài chính tham mưu phân bổ chi tiết

Biểu số 2
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2022
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CHO LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2021	Kế hoạch 2022	Ghi chú	
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
									Tổng số	Trong đó: NSDP				
	TỔNG CỘNG								411.862	359.446	347.446	71.048	87.120	
I	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO								386.246	336.946	324.946	64.646	79.200	
1	Cấp tỉnh								246.546	234.346	222.546	35.392	47.500	
*	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022													
-	Trường THPT Bùi Dục Tài, huyện Hải Lăng	Ban QLDA ĐTXD các CT DD và CN tỉnh	Hải Lăng	7753271	074	6.472m2	19-21	949/QĐ-UBND ngày 02/05/2019	33.386	33.386	22.586	23.700	9.686	
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022													
-	Trường THCS&THPT Cồn Tiên, huyện Gio Linh	Ban QLDA ĐTXD các CT DD và CN tỉnh	Gio Linh	7903335	073	2.035m2	21-23	1334QĐ-UBND ngày 28/5/2021	14.900	14.900	14.900	4.992	3.600	
-	Trường THCS&THPT Bến Quan, huyện Vĩnh Linh, Hạng mục: Nhà học thực hành	Ban QLDA ĐTXD các CT DD và CN tỉnh	Vĩnh Linh	7903336	073	2.013m2	21-23	1335QĐ-UBND ngày 28/5/2021	14.900	14.900	14.900	5.700	3.600	
*	Các dự án khởi công mới năm 2022													
-	Trường THPT Cam Lộ, Hạng mục: Nhà hiệu bộ và Nhà đa chức năng	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Cam Lộ	Cam Lộ		074	NHB 972m2, NĐN 800m2	22-24	2385QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của huyện CL	12.000	10.000	10.000		2.500	
-	Trang thiết bị dạy học trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	Sở GD-ĐT	Đông Hà		074	Thiết bị	22-24	4082/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	4.000	4.000	4.000		3.000	
-	Trường THPT Triệu Phong, Hạng mục: Nhà chức năng, nhà học lý thuyết và thực hành	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Triệu Phong	Triệu Phong		074	1.482m2	22-24	2773/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của huyện TP	10.000	8.000	8.000		2.500	
-	Cải tạo nhà học đa năng Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị	Ban QLDA ĐTXD các CT DD và CN tỉnh	Đông Hà		093	Cải tạo	22-24	3840/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	3.550	3.550	3.550		1.500	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2021	Kế hoạch 2022	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
									Tổng số	Trong đó: NSDP				
-	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Quảng Trị, Hạng mục: Xây mới Giảng đường đa năng, Cải tạo và mở rộng Nhà hiệu bộ, Cải tạo Khối phòng học	Ban QLDA ĐTXD các CT DD và CN tỉnh	Đồng Hà		093	GĐĐN: 1.496 m2; NHB, PH	22-24	3833/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	24.414	19.214	19.214		3.614	
-	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị	Ban QLDA ĐTXD các CT DD và CN tỉnh	Toàn tỉnh		098	8 NĐN, 24 PTH, 3 NHB, 16 phòng TEK, 1 TV	22-25	3835, 3836, 3837/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	104.896	104.896	104.896		11.000	
-	Hỗ trợ phát triển trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú													
+	Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Vĩnh Linh, hạng mục: Nhà nội trú	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	7896166	074	24 phòng	21-23	4193/QĐ-UBND 3/12/2020 của huyện VL	11.000	10.000	9.000	1.000	3.500	
+	Trường PTDT Nội trú Gio Linh; hạng mục: xây mới nhà ở nội trú, cải tạo sửa chữa nhà học 2 tầng và chỉnh trang khuôn viên	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Gio Linh	Gio Linh		074	XD mới 1.840m2, Cải tạo 1.377m2	22-24	4840/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của huyện GL	13.500	11.500	11.500		3.000	
2	Cấp huyện								139.700	102.600	102.400	29.700	31.700	
2.1	Huyện Hướng Hóa								18.400	16.000	16.000	4.500	4.500	
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022													
-	Trường mầm non xã A Túc	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	7919384	071	1430 m2	21-23	3587/QĐ-UBND 3/12/2020 của huyện HH	10.000	9.000	9.000	4.500	2.000	
*	Các dự án khởi công mới năm 2022													
-	Trường Tiểu học Hướng Tân, hạng mục: Nhà hiệu bộ, cổng, hàng rào	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa		072	Nhà hiệu bộ 362m2	22-24	6365/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của huyện HH	4.000	3.500	3.500		1.000	
-	Trường Tiểu học và THCS Tân Thành; Hạng mục: Nhà đa năng	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa		072	398m2	22-24	6363/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của huyện HH	1.900	1.500	1.500		700	

[illegible]

[illegible]

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2021	Kế hoạch 2022	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
									Tổng số	Trong đó: NSDP				
-	Trường TH&THCS xã Vĩnh Hòa (điểm trường THCS), hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học bộ môn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	7896100	072	6 phòng học	21-23	4194/QĐ-UBND 3/12/2020 của huyện VL	4.000	3.600	3.600	1.300	1.300	
-	Trường Mầm non số 2 Kim Thạch, hạng mục: Nhà hiệu bộ và phòng học chức năng	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	7896163	071	770 m2	21-23	4195/QĐ-UBND 3/12/2020 của huyện VL	4.000	3.600	3.600	1.300	1.300	
*	Các dự án khởi công mới năm 2022													
-	Trường Tiểu học Kim Đồng huyện Vĩnh Linh; hạng mục: Xây dựng tầng 2, 3 phòng học	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh		072	3 phòng học	22-24	5049/QĐ-UBND 30/11/2021 của huyện VL	1.800	1.600	1.600		1.000	
2.7	Huyện Gio Linh								13.000	11.800	11.800	2.500	3.500	
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022													
-	Trường mầm non Phong Bình số 1, hạng mục 6 phòng học	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Gio Linh	Gio Linh	7917267	071	6 phòng học	21-23	4381/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của huyện GL	4.800	4.300	4.300	2.500	1.200	
*	Các dự án khởi công mới năm 2022													
-	Trường THCS thị trấn Gio Linh, Hạng mục: Nhà học bộ môn	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Gio Linh	Gio Linh		073	3 tầng, 1.196m2	22-24	4841/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của huyện GL	8.200	7.500	7.500		2.300	
2.8	TX Quảng Trị								10.700	8.300	8.300	2.700	2.700	
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022													
-	Trường TH và THCS Hải Lệ, hạng mục: Bếp ăn, Nhà ăn, nhà bán trú điểm trường tiểu học thôn Tích Tường	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ Thị xã Quảng Trị	TX Quảng Trị	7884377	072	Nhà ăn bán trú	21-22	1331/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của Tx Q.Trị	1.200	1.000	1.000	500	500	
-	Trường THCS Thành Cổ, thị xã Quảng Trị (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ Thị xã Quảng Trị	TX Quảng Trị	7880147	073	18 phòng học	21-23	1333/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của Tx Q.Trị	9.500	7.300	7.300	2.200	2.200	

[illegible]

Biểu số 3
TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH 2022 THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUY HOẠCH
 (Kèm theo Quyết định số **4522/QĐ-UBND** ngày **30/12/2021** của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư			Kế hoạch bố trí đến 2021	Kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng dự toán				
						Tổng số	Trong đó: NSDP			
	TỔNG SỐ					87.451	87.451	37.615	30.000	
I	QUY HOẠCH CẤP TỈNH					57.757	57.757	25.040	22.500	
1	Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7890322	4737,44km2	3328/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	43.293	43.293	19.050	19.000	
2	Quy hoạch chung xây dựng đô thị La Vang, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị đến năm 2035, định hướng đến năm 2040	Sở Xây dựng	7886845	1738,5 ha	3312/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	2.841	2.841	1.568	600	
3	Quy hoạch chung xây dựng đô thị Lìa, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị đến năm 2035, định hướng đến năm 2040	Sở Xây dựng	7886844	2836 ha	1105/QĐ-UBND ngày 29/04/2020	3.321	3.321	1.523	600	
4	Cấm mốc phân định ranh giới khu nghĩa địa các xã theo Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị - giai đoạn 2	BQL Khu Kinh tế tỉnh	1105032	175,18 ha; 830 mốc	2452/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	1.000	1.000	799	200	
5	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Nam Đông Hà	BQL Khu Kinh tế tỉnh	1105032	99,13 ha	2428/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 của UBND TP Đông Hà	594	594	200	390	
6	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt đôi bờ Hiền Lương - Bến Hải, tỉnh Quảng Trị	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	7927590	120 ha	746/QĐ-TTg 20/5/2021; 2163/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	2.432	2.432	800	500	
7	Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt Càng Quân sự Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	7927392	1,523 ha	2566/QĐ-UBND ngày 23/9/2021	252	252	100	151	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư			Kế hoạch bố trí đến 2021	Kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng dự toán				
						Tổng số	Trong đó: NSDP			
8	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thác Ba Vòi, huyện Đakrông.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	7927393	120ha	2766/QĐ-UBND ngày 27/10/2021	1.806	1.806	400	559	
9	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch sinh thái Brai - Tà Puông, huyện Hướng Hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	7930971	315 ha	2787/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	2.219	2.219	600	500	
II	HỖ TRỢ CẤP HUYỆN LẬP QUY HOẠCH					29.694	29.694	12.575	4.000	
*	<i>Quy hoạch chuyển tiếp</i>									
1	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hải Lăng đến năm 2040, định hướng đến năm 2050	UBND huyện Hải Lăng	7905218	427,378km2	2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2021	1.955	1.955	900	500	
2	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Linh đến năm 2040, định hướng đến năm 2050	UBND huyện Vĩnh Linh	7930972	619,98km2	2059/QĐ-UBND ngày 06/8/2021	1.702	1.702	650	500	
3	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2040	UBND huyện Gio Linh	7903339	688,13 ha	3313/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	1.949	1.949	1.345	500	
4	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của kỳ quy hoạch huyện Hướng Hóa	UBND huyện Hướng Hóa	7904529		1656/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của UBND huyện Hướng Hóa	2.833	2.833	2.119	500	
5	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Phong đến năm 2040, định hướng đến năm 2050	UBND huyện Triệu Phong	7930970	353,396km2	2744/QĐ-UBND ngày 25/9/2021	1.846	1.846	500	500	
6	Điều chỉnh quy hoạch phân khu phường Đông Thanh tỷ lệ 1/2000	Phòng Quản lý đô thị TP Đông Hà	7932859	483,98 ha	1548/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND TP Đông Hà	2.026	2.026	1.230	200	

[illegible]

DANH MỤC
NGUỒN VỐN ĐÓI ƯNG CÁC DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số **4522**/QĐ-UBND)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

[illegible]

Biểu số 5
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2022
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI PHÂN CẤP DO CẤP TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2021	Kế hoạch 2022	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
									Tổng số	Trong đó: NSDP				
	TỔNG CỘNG								545.896	326.143	407.950	86.162	129.112	
I	HOÀN TRẢ ỨNG TRƯỚC										4.860	0	1.653	
-	Dự án hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu ven biển	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN-PTNT									60		60	
-	Cầu Cam Hiếu	Sở GT-VT									4.800		1.593	
II	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ										20.000	1.600	2.000	
III	QUYẾT TOÁN CÔNG TRÌNH										98.000	17.053	16.000	Giao Sở KHĐT thông báo chi tiết danh mục
IV	ĐẦU TƯ NGÀNH, LĨNH VỰC								545.896	326.143	285.090	67.509	97.959	
1	Quốc phòng													
*	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022													
-	Cơ sở khám chữa bệnh tại thôn Cù Bai, xã Hướng Lập, huyện Hướng Hóa	Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh	Hướng Hóa	7004686	011	170 m2	21-22	1213/QĐ-UBND 20/5/2021	2.000	2.000	2.000	1.000	1.000	
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022													
-	Công trình CH5-02 (giai đoạn 2)	Bộ CHQS tỉnh	MẬT	MẬT	011	MẬT	21-23	66/QĐ-UBND 5/5/2021	31.000	31.000	13.000	3.995	1.000	+ Vốn đầu giá đất 14 tỷ
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội													
*	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022													
-	Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thị xã Quảng Trị	Công an tỉnh	TX Quảng Trị	7004692	041	9984 m2	19-22	1071/QĐ-UBND 13/5/2019	10.000	10.000	5.490	2.673	2.800	
*	Các dự án khởi công mới năm 2022													
-	Trụ sở công an xã Ba Tầng, huyện Hướng Hóa	Công an tỉnh	Hướng Hóa		041	377 m2	22-24	3726/QĐ-UBND 23/11/2021	3.000	3.000	3.000		1.500	
-	Sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự huyện Vĩnh Linh	Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh		011	90 m2	22-23	4807/QĐ-UBND 16/11/2021 của huyện VL	1.100	1.000	1.000		1.000	+ Vốn NS huyện

[illegible]

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2021	Kế hoạch 2022	Ghi chú	
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
									Tổng số					Trong đó: NSDP
-	Nâng cấp hệ thống đường giao thông TX Quảng Trị	UBND thị xã Quảng Trị	TX Quảng Trị	7654884	309	26 tuyến đường	19-22	1915/QĐ-UBND 12/7/2017 69/NQ-HĐND 10/11/2020	119.856	50.000	26.000	36.000	14.000	+ Vốn NS thị xã
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022													
-	Đường Dương Văn An (kéo dài), thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ	Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện Cam Lộ	Cam Lộ	7916739	309	2429 m	21-23	1530/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của huyện CL	27.000	16.000	16.000	6.000	5.000	+ Vốn NS huyện
*	Các dự án khởi công mới năm 2022													
-	Đường giao thông liên thôn Mã Lai-Tân Pun, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa	Đoàn 337-Quân khu 4	Hướng Hóa		309	2950m	22-24	3755/QĐ-UBND 23/11/2021	8.300	8.300	8.300		2.500	
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống điện chiếu sáng khu vực trung tâm huyện Đakrông (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Đakrông	Đakrông	7934251	309	3,63 km	22-24	4491/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của huyện ĐK	15.000	15.000	15.000		4.000	+ Vốn NS huyện
7	Khu công nghiệp và khu kinh tế													
*	Các dự án khởi công mới năm 2022													
-	Cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Hải Chánh	Trung tâm Phát triển CCN và khuyến công huyện Hải Lăng	Hải Lăng		309	954,32 m	22-24	773/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của huyện HL	13.000	10.000	10.000		3.000	+ Vốn NS huyện
8	Thương mại													
*	Các dự án khởi công mới năm 2022													
-	Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Long, huyện Hướng Hóa	Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa		309	132 lô quầy	22-24	6790/QĐ-UBND 24/12/2021 của huyện HH	3.909	3.000	3.000		800	+ Vốn NS huyện
-	Chợ Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ	Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ huyện Cam Lộ	Cam Lộ	7933584	309	32 lô quầy	22-24	2401/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của huyện CL	2.750	1.500	1.500		700	+ Vốn NS huyện
9	Cấp nước, thoát nước													
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022													

[illegible]

[illegible]

Biểu số 06

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH 2022

NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÂN CẤP DO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ

(Kèm theo Quyết định số **4522**/QĐ-UBND ngày /12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch 2022	Trong đó		Ghi chú
			Cân đối theo tiêu chí	Thu sử dụng đất	
	TỔNG CỘNG	499.075	86.075	413.000	
1	Thành phố Đông Hà	152.053	7.053	145.000	
2	Thị xã Quảng Trị	26.026	6.026	20.000	
3	Huyện Vĩnh Linh	84.706	9.706	75.000	
4	Huyện Hướng Hóa	27.340	12.340	15.000	
5	Huyện Gio Linh	34.527	9.527	25.000	
6	Huyện Đakrông	18.553	10.553	8.000	
7	Huyện Cam Lộ	48.168	8.168	40.000	
8	Huyện Triệu Phong	34.480	9.480	25.000	
9	Huyện Hải Lăng	69.134	9.134	60.000	
10	Huyện đảo Cồn Cỏ	4.088	4.088		

Biểu số 07
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2022
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT
 (Kèm theo Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch 2022	Ghi chú	
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
									Tổng số	Trong đó: NSDP			
	TỔNG CỘNG								7.411.629	2.226.950	1.511.482	1.130.000	
A	CẤP TỈNH QUẢN LÝ								7.411.629	2.226.950	1.511.482	717.000	
I	NGUỒN THU TỪ ĐẦU GIÁ QSD ĐẤT Ở								4.452.567	1.560.145	959.247	450.000	
1	Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất											67.500	
2	Bố trí các công trình phát triển quỹ đất								1.059.438	1.059.438	482.500	185.100	
*	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022												
-	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực Bắc sông Hiếu	Trung tâm PTQĐ tỉnh	Đông Hà	7539183	312	29,5ha	2016-2022	2372/QĐ-UBND ngày 31/10/2015; 1829/QĐ-UBND ngày 04/8/2016; 933/QĐ-UBND ngày 26/4/2019	251.951	251.951	62.000	21.000	Trong đó: Trả nợ vốn vay 21 tỷ đồng
-	Công viên mini Phường 2, thành phố Đông Hà	Trung tâm PTQĐ tỉnh	Đông Hà	7815937	312	0,2ha	2021-2022	1230/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	7.300	7.300	6.500	1.700	
-	Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3	Trung tâm PTQĐ tỉnh	Đông Hà	7263704	312	76ha	2011-2022	1609/QĐ-UBND ngày 05/8/2011 2055/QĐ-UBND ngày 28/9/2015 29/QĐ-UBND ngày 08/01/2016 881/QĐ-UBND ngày 27/4/2017	334.041	334.041	7.000	7.000	
*	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022												
-	Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2	Trung tâm PTQĐ tỉnh	Đông Hà	7674034	312	41,6ha	2020-2025	2985/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	443.876	443.876	385.000	84.200	
-	Nghĩa trang phục vụ di dời mộ Khu vực Bắc sông Hiếu	Trung tâm PTOĐ tỉnh	Đông Hà	7815939	312	10 ha	2021-2023	2307/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	22.270	22.270	22.000	12.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch 2022	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
									Tổng số	Trong đó: NSDP			
*	Phân bổ sau											59.200	Phân bổ khi các dự án hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định
3	Bố trí cho các công trình phát triển kinh tế xã hội khác								3.393.129	500.707	476.747	197.400	
*	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022												
-	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	Sở Kế hoạch và Đầu tư	ĐH, HH	7411898	312	02 đô thị	13-22	2830/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 1073/QĐ-UBND 13/5/2019	2.446.067	216.645	150.447	69.000	Bao gồm hoàn trả vốn tạm ứng ADB và quỹ phát triển đất
	Cầu qua sông Nhùng và đường hai đầu cầu, huyện Hải Lăng	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Hải Lăng	Hải Lăng	7901850	309	Cầu 398m; đường 810m	2021-2022	1023/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	5.000	5.000	5.000	2.600	
-	Cầu Kênh mới, xã Vĩnh Chắp, huyện Vĩnh Linh	Sở Giao thông vận tải	Vĩnh Linh	7920150	309	22,2 m	2020-2022	880/QĐ-UBND ngày 14/4/2021	4.500	4.000	4.000	1.000	
-	GPMB khu vực hồ nuôi tôm Lập Thạch, phường 2, thành phố Đông Hà	Trung tâm PTQĐ thành phố Đông Hà	Đông Hà		309	184 trường hợp	2022	1233/QĐ-UBND 03/6/2021 1577/QĐ-UBND 13/7/2021	9.200	9.200	9.200	7.277	Hoàn trả tạm ứng
-	Đường Trần Bình Trọng (đoạn từ Đập ngăn mặn sông Hiếu đến QL.9)	Trung tâm PTQĐ tỉnh	Đông Hà	7813052	309	0,7km	2020-2022	2323/QĐ-UBND ngày 18/8/2020	63.502	63.502	49.100	20.000	
*	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022												
-	Hỗ trợ ưu đãi đầu tư										5.000	1.000	Giao Sở KHĐT tham mưu phân bổ chi tiết
-	Cầu Bến Lội, huyện Triệu Phong	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Triệu Phong	Triệu Phong	7568089	309	45m	2021-2023	1881/QĐ-UBND ngày 16/7/2020	19.000	19.000	18.000	6.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch 2022	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
									Tổng số	Trong đó: NSDP			
-	Đường kết nối KCN Đông Nam Quảng Trị đến cảng Cửa Việt (đường trung tâm trục dọc KKT Đông Nam, tỉnh Quảng Trị)	BQL Khu Kinh tế	TP, HL	7622621	309	23 km	2017-2022	2986/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2163/QĐ-UBND 19/8/2019; 1752/QĐ-UBND 09/7/2021	630.000	13.400	13.400	8.000	
-	Đường nối từ cầu Thạch Hãn đến trung tâm phường An Đôn, TX Quảng Trị	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN-PTNT	TP, QT	7746454	309	7.498,3 5m	2018-2022	2514/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	80.000	50.000	45.000	8.000	
-	Đường nối từ cầu chui đường sắt (tại nút giao ĐT575a với quốc lộ 1) đi ĐT575b, huyện Gio Linh	Sở Giao thông vận tải	Gio Linh	7929840	309	3253,2 m	2021-2022	1036/QĐ-UBND ngày 20/4/2020	19.500	6.500	6.500	3.000	
-	Xử lý, khắc phục một số điểm đen tiềm ẩn tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh	Ban An toàn giao thông tỉnh	Toàn tỉnh	7920146	309	5 cụm đèn GT	2021-2023	2442/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	6.500	3.600	3.600	3.600	
-	Via hè đường Lý Thường Kiệt, TP Đông Hà	Ban QLDA ĐTXD TP Đông Hà	Đông Hà	7920767	312	26.510, 61 m2	2022-2024	2999/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND thành phố Đông Hà	20.000	20.000	18.000	7.400	
-	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã		Toàn tỉnh				2021-2025				20.000	5.000	Thực hiện theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của TTgCP
-	Hỗ trợ các huyện đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025		Toàn tỉnh				2021-2025						
+	Hỗ trợ huyện Vĩnh Linh đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	UBND huyện Vĩnh Linh									10.000	4.000	Danh mục cụ thể theo phương án hỗ trợ huyện đạt chuẩn NTM được UBND tỉnh
+	Hỗ trợ huyện Gio Linh đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	UBND huyện Gio Linh									10.000	4.000	
+	Hỗ trợ huyện Triệu Phong đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	UBND huyện Triệu Phong									10.000	4.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch 2022	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
									Tổng số	Trong đó: NSDP			
+	Hỗ trợ huyện Hải Lăng đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	UBND huyện Hải Lăng									10.000	4.000	UBND tỉnh phê duyệt
*	Các dự án khởi công mới năm 2022												
-	Hoàn thiện hạ tầng đường Trần Bình Trọng (đoạn từ đường NTT đến đường Điện Biên Phủ)	Trung tâm PTQĐ tỉnh	Đông Hà	7854780	309	2,4 km	2021-2023	4047/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	9.860	9.860	9.500	4.000	
-	Đường giao thông vào thác Ba Vòi, huyện Đakrông	Ban QLDA ĐTXD các CT DD và CN tỉnh	Đakrông	7934558	309	Dài 1.500m	2022-2024	3866/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	20.000	20.000	20.000	5.000	
-	Hệ thống cấp nước tập trung vùng nông thôn	Trung tâm nước sạch và VSMTNT	HH, ĐK, CL, HL		311	5.343 hộ dân	2022-2024	4100/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	60.000	60.000	60.000	7.000	
*	Phân bổ sau											23.523	Phân bổ khi các dự án hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định
II	NGUỒN THU TỪ ĐẤU GIÁ, ĐẤU THẦU CÁC KHU ĐẤT CHO NHÀ ĐẦU TƯ SỬ DỤNG								2.839.700	638.191	544.235	260.000	
1	Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất											39.000	
2	Các dự án phát triển KTXH								2.839.700	638.191	544.235	221.000	
*	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022												
-	Cầu kết nối khu đô thị Bắc sông Hiếu với trung tâm thành phố Đông Hà	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đông Hà	7411898	309	300 m	19-21	814/QĐ-UBND ngày 12/4/2019	334.000	25.000	11.553	11.553	Hoàn trả vốn ứng trước
-	Hoàn thiện CSHT một số tuyến chính tại KKT TM Đặc biệt Lao Bảo (giai đoạn 2)	Ban quản lý Khu kinh tế	Hướng Hóa	7506283	309	20,95m	15-18	629/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	101.149	15.149	3.947	3.900	Trả nợ KHHT
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	Hải Lăng	7832950	161	2.857m ²	2020-2022	189/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 UBND huyện HL	37.400	15.533	6.000	5.000	Hỗ trợ xây dựng huyện NTM

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch 2022	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
									Tổng số	Trong đó: NSDP			
-	Hệ thống tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh		Toàn tỉnh			18.500 ha	16-21	639/QĐ-UBND ngày 31/3/2016; 559/QĐ-UBND ngày 15/3/2021	104.742	22.600	8.000		Đối ứng NSTW
+	Kênh tiêu úng Nam Hùng - Nghĩa Hy-Thiết Trảng, thị trấn Cam Lộ và Tân Trúc - Vĩnh An, xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ	UBND huyện Cam Lộ	Cam Lộ	7735094	283	2,1km	2019-2021		6.100	1.000		1.000	
+	Kênh tiêu Như Lệ, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị	UBND TX Quảng Trị	TX Q.Trị	7748520	283	676 ha	2019-2021		7.906	1.600		1.400	
+	Nâng cấp hồ chứa nước thị trấn Gio Linh, huyện Gio Linh	UBND huyện Gio Linh	Gio Linh	7568517	283	tiêu úng, thoát lũ 150 ha lúa	2017-2021		19.724	4.700		3.600	
+	Kênh tiêu úng Mụ Cheo, xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	Triệu Phong		283	Kênh dài 1.539m	2021		2.336	2.336		2.000	
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022												
-	Khen thưởng huyện Cam Lộ đạt chuẩn nông thôn mới	BQL DA ĐTXD & PTQĐ huyện Cam Lộ	Cam Lộ	7910353		1668 m	2021-2022	1444/QĐ-UBND 30/7/2021 của huyện CL	10.000	5.500	5.500	3.000	
-	Chi thực hiện các dự án từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại		Toàn tỉnh				2021				12.000	9.672	Sở Tài chính tham mưu phân bổ chi tiết
-	Hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn		Toàn tỉnh			Hỗ trợ	21-25				15.000	4.000	+ Vốn NSCĐ 01 tỷ Giao Sở KHĐT tham mưu phân bổ chi tiết

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch 2022	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
									Tổng số	Trong đó: NSDP			
-	Nâng cấp đường ĐH43 huyện Triệu Phong	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Triệu Phong	Triệu Phong	7863547	309	4045 m	21-23	1989/QĐ-UBND 22/10/2020 của huyện TP	14.825	14.000	14.000	7.000	
-	Công trình CH5-02 (giai đoạn 2)	Bộ CHQS tỉnh	MẬT	MẬT	011	MẬT	21-23	66/QĐ-UBND 5/5/2021	31.000	31.000	18.000	14.000	+ Vốn NSDP 1 tỷ
-	Đường gom từ các lối tự mở đến đường ngang qua đường sắt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2022	Ban An toàn giao thông tỉnh	Toàn tỉnh	7844125	309	72 trạm	2021-2023	1823/QĐ-UBND 09/7/2020	14.856	10.400	10.300	7.000	Trong đó hoàn trả vốn ứng trước 5 tỷ đồng
-	Xây dựng hệ thống camera giám sát trật tự an toàn giao thông, kết hợp giám sát an ninh trật tự tại các khu vực trọng yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Ban An toàn giao thông tỉnh	Toàn tỉnh	7920147	309	1400 m	2021-2023	3994/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	14.997	5.000	5.000	5.000	Trong đó hoàn trả vốn ứng trước 3 tỷ đồng
*	Các dự án khởi công mới năm 2022												
-	Chợ trung tâm khu vực Tà Rụt, huyện Đakrông	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Đakrông	Đakrông	7910695	309	910 m2	2021-2022	2716/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của huyện Đakrông	5.000	3.000	3.000	2.000	
-	Đường ven biển kết nối với hành lang kinh tế Đông Tây	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	VL, TP, GL, ĐH	7894373	309	55,7 km	2021-2025	4282/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	2.060.000	416.338	369.935	55.000	
-	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Lý Thường Kiệt (đoạn Km1+784 - Km2+860), TP Đông Hà	Sở Giao thông vận tải	Đông Hà	7920148	311	475,55 m	2021-2023	2005/QĐ-UBND ngày 24/7/2020	5.000	5.000	5.000	3.875	
-	Đường Nguyễn Trãi nối dài (đoạn từ quốc lộ 9 đến đường Trần Bình Trọng)	Ban QLDA ĐTXD TP Đông Hà	Đông Hà	7919386	309	472,43 m	2021-2023	3000/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của TP Đông Hà	24.000	20.000	17.000	5.000	
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	7911837	309	3061,68 m	2021-2023	3975/QĐ-UBND 25/12/2020 của huyện H.Hóa	13.000	9.100	9.100	3.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch 2022	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
									Tổng số	Trong đó: NSDP			
-	Kênh tiêu thoát nước Khu phố 3 phường An Đôn, TX Quảng Trị (liên kết với khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ)	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ Thị xã Quảng Trị	Quảng Trị	7882227	311	945 m	2021-2023	1332/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	5.000	5.000	5.000	3.000	
-	Bến xe kết hợp dịch vụ tổng hợp khu vực Cửa Việt; hạng mục san nền và sân bãi đỗ xe	Sở Giao thông vận tải	Gio Linh	7808252	309	4,15 ha	2022-2024	3583/QĐ-UBND ngày 24/12/2019	5.665	2.935	2.900	2.000	
-	Nhà ở vận động viên năng khiếu tỉnh	Ban QLDA ĐTXD các CT DD và CN tỉnh	Đông Hà	7934557	221	2000 m2	2022-2024	3834/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	23.000	23.000	23.000	7.000	
*	Phân bổ sau											62.000	Phân bổ khi các dự án hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định
III	NGUỒN THU ĐẦU GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KKT THƯƠNG MẠI ĐẶC BIỆT LAO BẢO								119.362	28.614	8.000	7.000	
1	Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất											1.050	
2	Các công trình phát triển quỹ đất và phát triển KTXH khác								119.362	28.614	8.000	5.950	
*	Các dự án dự kiến hoàn thành trước năm 2022												
-	Hoàn thiện CSHT một số tuyến chính tại KKT TM Đặc biệt Lao Bảo (giai đoạn 2)	BQL Khu Kinh tế	Hướng Hóa	7506283	309	20,95m	15-18	629/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	101.149	15.149	4.900	2.850	Trả nợ KHHT
-	Công chính KCN Quán Ngang	BQL Khu Kinh tế	Gio Linh	7483497	312	105 m2	2016-2017	2449/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 1728/QĐ-UBND ngày 18/8/2015	5.748	1.000	1.000	1.000	Trả nợ KHHT
-	Rà phá bom, mìn, vật liệu nổ Khu A thuộc Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá	BQL Khu Kinh tế	Vinh Linh	7483493	309	140,84 ha	2014-2015	2244/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	12.465	12.465	2.100	2.100	Trả nợ KHHT
B	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ										0	413.000	Chi tiết tại biểu số 6

Biểu số 8
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2022
NGUỒN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT
(Kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Kế hoạch bố trí đến 2021	Kế hoạch 2022	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
									Tổng số	Trong đó: NSDP				
	TỔNG CỘNG								172.514	127.100	148.980	28.230	40.000	
I	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP								55.514	32.600	28.550	15.430	8.800	
*	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022													
-	Trung tâm bồi dưỡng chính trị TP Đông Hà	UBND TP Đông Hà	7810186	085	Đông Hà	813,68 m2	19-21	2997/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	8.500	7.000	4.000	4.700	1.300	
-	Trường Tiểu học và THCS xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	7879594	072	Triệu Phong	1.245 m2	21-22	2558/QĐ-UBND 31/12/2020 của huyện TP	5.000	4.500	4.300	3.680	820	
-	Trường Mầm non Hải Thái, huyện Gio Linh	UBND huyện Gio Linh	7873478	071	Gio Linh	6 phòng học	21-22	4382/QĐ-UBND 25/12/2020 của huyện GL	6.000	5.500	4.750	4.450	1.050	
-	Trường Tiểu học Hàm Nghi, TP Đông Hà. Hạng mục: Nhà hiệu bộ	Trường TH Hàm Nghi	7873216	072	Đông Hà	465 m2	21-22	3096/QĐ-UBND 31/12/2020 của Tp Đ.hà	4.600	4.400	4.300	2.600	1.800	
*	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022													
-	Trung tâm chính trị huyện Vĩnh Linh, hạng mục: Xây mới nhà hội trường và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Vĩnh Linh	7915494	085	Vĩnh Linh	2 tầng, HT 686m2	21-23	3637/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của huyện VL	7.000	6.000	6.000		2.000	+ Vốn NS huyện
*	Các dự án khởi công mới năm 2022													
-	Trường Cao đẳng kỹ thuật tỉnh Quảng Trị; Hạng mục: xây mới giảng đường đa năng, cải tạo và mở rộng nhà hiệu bộ, cải tạo khối phòng học	Ban QLDA ĐTXD các CT DD và CN tỉnh		093	Đông Hà	GDĐN: 1.496 m2; NHB, PH	22-24	3833/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	24.414	5.200	5.200		1.830	+ Vốn NSDP
II	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH								101.700	82.000	77.930	2.800	17.200	

[illegible]

[illegible]